|  |
| --- |
| **Mẫu 1A***(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế)* |
| *(Dùng cho tuyến xã)*  |
| UNND XÃ CƯ AN**TRẠM Y TẾ** **CƯ AN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
|  |  | *Cư An, Ngày 26 tháng 11 năm 2021* |
|  |  | **BÁO CÁO CÔNG TÁC AN TOÀN THỰC PHẨM**x |
|  |  |  **Báo cáo 6 tháng Báo cáo năm** |
|  | ***Kính gửi***: phòng y tế huyện Đak Pơ |
| **I.** | **Hành chính**  |
| **1. Tên xã:**CƯ AN |
|  | - Dân số (người):6579 |
|  | - Diện tích (Km2): 3690.63 ha |
|  | - Số thôn/bản/tổ:6 thôn |
| **2. Thống kê nguồn lực quản lý ATTP tuyến xã/phường:** |
|

|  |  |
| --- | --- |
| 1 | Tên đơn vị :Trạm y tế xã Cư An |
| 2 | Địa chỉ: |
|  | Thôn: An Định Xã Cư An huyện Đak Pơ Tỉnh Gia Lai |
|
| Điện thoại: 0869522365 |  |  |  |
| email:Tramytecuandakpo@gmail.com |  |  |  |
| 3 | Cán bộ, nhân viên: |  |  |  |
|  | (a) Tổng số cán bộ, nhân viên (\*): 03 người  |
|  | (b) Phân loại *(ghi số người vào cột tương ứng):* |  |
|  | **Cán bộ** | **Số lượng (người)** |
|  | *(1) Chuyên trách* | 01 |
|  | *(2) Kiêm nhiệm* | 02 |
|  | *(3) Khác (ghi rõ)* | 0 |
|  | (c) Trình độ học vấn (g*hi số người vào cột tương ứng*): |
|  | **Trình độ** | **Số lượng (người)** |
|  | *(1) Sau đại học* | 0 |
|  | *(2) Đại học* | 01 |
| *(3) Cao đẳng, trung cấp* | 01 |
|  | *(4) Khác (ghi rõ)* | 01 |
| 4 | Thiết bị văn phòng của bộ phận được phân công nhiệm vụ bảo đảm ATTP |
|  | **Tên trang thiết bị** | **Số lượng** |
|  |  (1) Máy tính (chiếc) | 0 |

*(\*) Bao gồm cả cán bộ văn xã làm đầu mối về an toàn thực phẩm theo Nghị quyết số 106/NQ-CP ngày 10/10/2017 của Chính phủ tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2017.***3. Thông tin số cơ sở thực phẩm:** |
| **TT** | **Nội dung báo cáo** | Tổng số cơ sở trên địa bàn xã *(Cơ sở)* | Số cơ sở thuộc quản lý của UBND xã *(Cơ sở)* | Số cơ sở có GCN đủ điều kiện/tổng số cơ sở phải cấp GCN (*Cơ sở*) |
| 1 | Cơ sở sản xuất thực phẩm (*bao gồm cả cơ sở vừa sản xuât vừa kinh doanh*) | 16 | 16 | 0 |
| 2 | Cơ sở kinh doanh thực phẩm  | 11 | 05 | 06 |
| 3 | Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống | 14 | 08 | 06 |
| 4 | Cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố | 02 | 02 | 0 |
| **Tổng cộng** | 43 | 31 | 12 |
| **II.** | **Công tác bảo đảm an toàn thực phẩm** |
| **1. Quản lý, chỉ đạo:**  |
| **TT** | **Nội dung hoạt động** | **Kết quả** |
| *Số lượng* | *Ghi chú* |
| 1 | BCĐLN ATTP phường/xã/thị trấn do Chủ tịch UBND làm Trưởng ban:  | 01 | …… |
| 2 | Họp BCĐLN ATTP | 01 | ……… |
| 3 | Hội nghị triển khai, tổng kết của BCĐ | 0 | ……… |
| **2. Thông tin, truyền thông** |
| **TT** | **Tên hoạt động/hình thức** | **Kết quả** |
| *Số lượng* | *Ghi chú* |
| 1 | Nói chuyện/Hội thảo  | 20 | ……… |
| 2 | Phát thanh loa, đài (*tin/bài/phóng sự*) | 20 | ……… |
| 3 | Băng rôn, khẩu hiệu | 04 | ……… |
| 4 | Tranh áp – phích/Posters | 00 | ……… |
| 5 | Tờ gấp/tờ rơi | 00 | ……… |
| 6 | Tài liệu khác (g*hi rõ)*:…………………….. | 00 | ……… |
| **3. Hoạt động thanh tra, kiểm tra:** |
| 1 | Số lượng đoàn:  | 01 |
| 2 | Số cơ sở được thanh tra, kiểm tra (*cơ sở*): | 12 |
| 3 | Kết quả chi tiết: |
| **TT** | **Nội dung** | **Tuyến xã** |
| SX thực phẩm (gồm vừa SX và vừa KD) | KD thực phẩm | KD dịch vụ ăn uống | KD thức ăn đường phố | **Tổng cộng** |
| **1** | **Tổng số cơ sở** | 16 | 09 | 15 | 00 | 40 |
| **2** | **Cơ sở được thanh tra, kiểm tra** | 16 | 2 | 10 | 0 | 28 |
|   | Đạt (*số cơ sở/%)* | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Vi phạm (s*ố cơ sở/%)* | 0% | 0% | 0% | 0% | 0% |
| **3** | **Xử lý vi phạm** | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3.1 | Phạt tiền: |  |  |  |  |  |
|   | - Số cơ sở: | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - Tiền phạt *(đồng)*: | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3.2 | Xử phạt bổ sung: | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|   | - Đình chỉ hoạt động (\*) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - Tịch thu tang vật... | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3.3 | Khắc phục hậu quả (*loại, trọng lương*): | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|   | - Buộc thu hôì (\*) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - Buộc tiêu hủy | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - Khác (ghi rõ):........ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| *(\*) Tổng hợp các trường hợp đầu mối xử lý và chuyển cấp trên quyết định***4. Kiểm nghiệm thực phẩm** |
| **TT** | **Loại xét nghiệm nhanh** | **Kết quả xét nghiệm mẫu** |
| **Tổng số mẫu xét nghiệm** *(mẫu)* | Mẫu đạt | Mẫu không đạt |
| *Số lượng* | *%* | *Số lượng* | *%* |
| 1 | Hóa lý | 0 | 0 | 0% | 0 | 0% |
| 2 | Vi sinh | 0 | 0 | 0% | 0 | 0% |
| **5. Ngộ độc thực phẩm** |
| **TT** | **Nội dung** | **Kết quả** | **So sánh** (s*ố lượng/%*) |
| *Năm nay* | *Năm trước* |
| 1 | Số vụ (vụ) | 0 | 0 | 0% |
| 2 | Số mắc (người) | 0 | 0 | 0% |
| 3 | Số tử vong (người) | 0 | 0 | 0% |
| 4 | Số vụ ≥ 30 người mắc (vụ) | 0 | 0 | 0% |
| **6. Kinh phí triển khai hoạt động về ATTP** |
| **TT** | **Nguồn kinh phí** | **Số lượng** *(triêụ đồng)* | **Ghi chú** |
| 1 | Ngân sách từ Chương trình mục tiêu y tế - dân số | 0 | ....... |
| 2 | Ngân sách từ địa phương | 0 | ....... |
| 3 | Nguồn kinh phí khác *(ghi rõ)…* | 0 | ....... |
| **Tông cộng** | 0 | ....... |
| **7. Các hoạt động khác** (nếu có):  |
|  |  |
| **III. Đánh giá chung** |
|  | *1. Ưu điểm:* Được sự quan tâm chỉ đạo của Đảng ủy, UBND và sự phối hợp của các Ban ngành đoàn thể trong công tác vệ sinh an toàn thực phẩm luôn được kiểm tra, đôn đốc để tránh những trường hợp ngộ độc xảy ra trong nhân dân.Các thành viên trong Ban chỉ đạo luôn nhiệt tình trong công tác tuyên truyền, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn xã.. |  |
|  | *2. Tồn tại:* Các cơ sở dịch vụ ăn uống trên địa bàn xã Cư An đa số nằm dọc theoquốc lộ 19 nên công tác đảm bảo vệ sinh tránh bụi bẩn còn gặp nhiều khó khăn.Hầu hết các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm trên địa bàn xã có quy mô nhỏ lẻ, quy mô hộ gia đình, một số lượng lớn các cơ sở không thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP nên việc áp dụng các mô hình chuẩn trong sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm cũng như công tác quản lý và áp dụng các chế tài xử lý vi phạm hành chính gặp nhiều khó khăn |  |
|  |  |  |
|  | *3. Kiến nghị:* Thường xuyên mở lớp tập huấn kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm chủ cơ sở kinh doanh, chế biến thực phẩm.Hỗ trợ trang thiết bị đi kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm và kinh phí hoạt động. |  |
|  | ***Nơi nhận:***- Phòng Y tế;- Trung tâm Y tế huyện;- UBND xã/phường/thị trấn;- Lưu: VT. |  | **LÃNH ĐẠO**(*Ký tên đóng dấu*) |
|  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |